

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2023/HS-ST**

Ngày: 14/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Nhì.

Ông Lâm Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Đặng Văn H (tên thường gọi là HM); Sinh ngày: 23/10/2001; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 101/3/4 đường L tỉnh 5, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: A34/13G1, tổ E, ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Phụ buôn bán; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn T và bà: Phan Ngọc T1; Có vợ: Là bà Lê Phước Quỳnh N (không đăng ký kết hôn) và con: Có 01 người con, sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/02/2023.

Nhân thân: Ngày 31/10/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Gây rối trật tự công cộng» (Bản án số: 155/2019/HS-ST). Bị cáo kháng cáo và ngày 17/6/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số: 297/2020/HSPT). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2021 và đã thi hành xong án phí ngày 01/10/2020 (Giấy chứng nhận đặc xá số: 1022/GCNDX của Trại giam A1 và Trả lời xác minh ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lê Phước Quỳnh N; Sinh ngày: 10/5/2002; Thường trú: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở: 3 đường C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Đặng Thị Ngọc S; Sinh năm: 1989; Thường trú: 12 đường N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A Quốc lộ E, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Bạch Bảo T2; Sinh ngày: 14/5/2003; Trú tại: B ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 50 phút ngày 21/02/2023, tổ công tác thuộc Công an P, Quận F trên đường tuần tra phát hiện Đặng Văn H điều khiển xe gắn máy biển số 59N3-434.44 chở vợ, con là Lê Phước Quỳnh N, Đặng Lê Kim A chạy đến trước nhà số A đường số B, Phường A, Quận F có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra, tổ công tác đã thu giữ trên tay trái của H 01 khẩu trang màu xanh, bên trong khẩu trang có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu và 04 viên nén màu nâu (H khai là ma túy khay và thuốc lắc), nên đã giao H cùng vật chứng nêu trên cho Cơ quan điều tra Công an Q giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Văn H khai: Khoảng 22 giờ ngày 21/02/2023, H điều khiển xe gắn máy biển số 59N3-434.44 chở vợ, con đi chơi. Khi đến đường N, Quận A, H kêu N đứng giữ xe và trông con, còn H đi bộ đến bãi đất trống gần đó gặp một người thanh niên tên L (không rõ lai lịch) hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy khay và thuốc lắc để sử dụng. L kêu H chờ rồi lấy xe đi, khoảng 10 phút sau L quay lại đưa cho H 01 cái khẩu trang màu xanh, bên trong có 02 gói ma túy khay, 04 viên thuốc lắc. H cầm khẩu trang (bên trong có ma túy) trên tay trái, rồi điều khiển xe chở vợ, con chạy về đến trước nhà số A đường số B, Phường A, Quận F thì bị kiểm tra bắt giữ như đã nêu trên.

Lê Phước Quỳnh N khai không biết việc Đặng Văn H mua và cất giữ ma túy như thế nào. Cơ quan điều tra tiến hành cho Đặng Văn H đối chất với Lê Phước Quỳnh N, cả hai đều xác nhận N không hùn tiền với H mua ma túy cũng như N không biết việc H mua ma túy và cất giữ ma túy trong người.

Theo hai Biên bản xét nghiệm chất ma túy cùng ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Trạm y tế P1, Quận F, Đặng Văn H, Lê Phước Quỳnh N đều âm tính với ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 1718/KL-KTHS ngày 02 tháng 3 năm 2023, Phòng K Công an Thành phố H đã kết luận: 01 gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc N1 (người chứng kiến), Đặng Văn H và hình dấu Công an P, Quận F, bên trong có:

- Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (ký hiệu m₁) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4861g (không phẩy bốn tám sáu một gam), loại Ketamine.

- Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (ký hiệu m₂) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4834g (không phẩy bốn tám ba bốn gam), loại Ketamine.

- 04 viên nén màu nâu trong 01 gói nylon (ký hiệu m₃) cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,6413g (một phẩy sáu bốn một ba gam), loại MDMA.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Q ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 27/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Đặng Văn H về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 25/QĐ-ĐCSMT).

Đối với Lê Phước Quỳnh N, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi cất giữ ma túy của Đặng Văn H, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn người thanh niên tên L bán ma túy cho Đặng Văn H ở khu vực bãi đất trống đường N, Quận A, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 51/CT-VKS-Q6 ngày 06 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đặng Văn H về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Đặng Văn H khai nhận chính bị cáo, đã thực hiện hành vi cất giữ 03 gói ma túy tổng hợp (01 gói chứa 04 viên thuốc lác màu nâu, 02 gói chứa ma túy khay) và bị Công an phát hiện bắt quả tang vào lúc 22 giờ 50 phút ngày 21/02/2023 tại trước nhà số A đường số B, Phường A, Quận F như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đặng Văn H như bản cáo trạng, đồng thời đại diện Viện kiểm sát xác định trường hợp Đặng Văn H bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm tù về tội «Gây rối trật tự công cộng» (Bản án số: 155/2019/HS-ST ngày 31/10/2019) được coi là không có án tích, bởi thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người dưới 18 tuổi và bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, do đó bị cáo không có tiền án. Và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Đặng Văn H từ 02 năm đến 03 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói ma túy bên ngoài có ghi vụ số: 370/23, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Phạm Tiến N2. Bên trong có: Tinh thể không màu (m₁) có khối lượng

0,3977 gam; tinh thể không màu (m_2) có khối lượng 0,4015 gam; 03 viên nén màu nâu (m_3) có tổng khối lượng 1,2476 gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 01 khẩu trang màu xanh.

Trả lại bị cáo Đặng Văn H 01 chiếc điện thoại di động màu vàng, phía sau có ghi chữ Iphone, số Imei: 356165091558198 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401171212059893) đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Mai Trọng T3 (Điều tra viên), Phạm Tiến N2 (cán bộ điều tra), Đặng Văn H và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh; số tiền 370.000 đồng.

Trả lại bà Đặng Thị Ngọc S 01 chiếc xe gắn máy biển số 59N3-434.44, số máy: JA39E-2070498, số khung: RLHJA3924LY067553 (loại xe hai bánh từ 50-175 cm^3 , nhãn hiệu Honda, số loại Wave, sơn màu Trắng Đen B, dung tích 109,1).

Lời nói sau cùng, bị cáo Đặng Văn H cho rằng trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Đặng Văn H tại phiên tòa với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận giám định số: 1718/KL-KTHS ngày 02/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Phước Quỳnh N và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đặng Văn H đã phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Bị cáo Đặng Văn H đã cất giữ 1,6413 gam ma túy ở thể rắn, loại MDMA và 0,9695 gam chất ma túy khác ở thể rắn, loại Ketamine (toàn bộ số ma túy này bị cáo xác nhận là của bị cáo mua và cất giữ nhằm mục đích sử dụng). Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của

Chính phủ thì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy mà bị cáo Đặng Văn H cất giữ nhằm mục đích sử dụng là 37,6735%. Và vì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của MDMA, Ketamine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là dưới 100%, nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» thuộc trường hợp «Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này» theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo Đặng Văn H không những đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về chế độ độc quyền trong việc quản lý, trao đổi, cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung.

Bị cáo Đặng Văn H là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi cất giữ trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn lối sống không lành mạnh và nhất là xem thường pháp luật, nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về nhân thân của bị cáo Đặng Văn H: Ngày 31/10/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm tù về tội «Gây rối trật tự công cộng». Bị cáo kháng cáo và ngày 17/6/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do thời điểm thực hiện hành vi phạm tội của bản án này (ngày 06/10/2018) bị cáo là người dưới 18 tuổi và bị kết án về tội phạm nghiêm trọng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật hình sự năm 2015, trường hợp này được coi là không có án tích, do đó tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát xác định bị cáo không có tiền án là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Văn H là nghiêm trọng. Mặt khác, ma túy nói chung và các chất ma túy ở thể rắn như MDMA, Ketamine nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Đặng Văn H còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo phạm tội không vụ lợi, là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Việc xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 01 gói ma túy bên ngoài có ghi vụ số: 370/23, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Phạm Tiến N2. Bên trong có: Tinh thể không màu (m_1) có khối lượng 0,3977 gam; tinh thể không màu (m_2) có khối lượng 0,4015 gam; 03 viên nén màu nâu (m_3) có tổng khối lượng 1,2476 gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 01 khẩu trang màu xanh, là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.2] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59N3-434.44 thu giữ của bị cáo Đặng Văn H, theo Kết luận giám định số: 5663/KLGD-X(Đ4) ngày 05/5/2022 của kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL30); Phiếu trả lời xác minh ngày 22/02/2023 của Công an Q (BL54) và Giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 118112 ngày 30/12/2020 Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (BL128) thì chiếc xe có số máy: JA39E-2070498, số khung: RLHJA3924LY067553 (loại xe hai bánh từ 50-175 cm^3 , nhãn hiệu Honda, số loại Wave, sơn màu Trắng Đen B, dung tích 109,1), do ông Bạch Bảo T2 đứng tên chủ xe. Quá trình điều tra, ông T2 khai đã bán chiếc xe lại cho bà Đặng Thị Ngọc S, nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu và ông T2 xác nhận không còn quyền lợi gì đối với chiếc xe này (BL131). Bà Đặng Thị Ngọc S khai cũng tương tự và khai tối ngày 21/02/2023, em của bà là bị cáo Đặng Văn H hỏi mượn chiếc xe chở vợ, con đi chơi, nhưng sau đó lại sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy bà không biết và bà đề nghị được nhận lại chiếc xe để bà có phương tiện đi lại (BL126). Xét thấy chiếc xe gắn máy biển số 59N3-434.44 có giấy tờ, nguồn gốc hợp pháp, nên mặc dù bà S chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, nhưng Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở xác định bà S là người quản lý hợp pháp của chiếc xe, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là trả chiếc xe lại cho bà S theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7.3] Còn 01 chiếc điện thoại di động màu vàng, phía sau có ghi chữ Iphone, số Imei: 356165091558198 (bên trong có 01 sim điện thoại số 8401171212059893) đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Mai Trọng T3 (Điều tra viên), Phạm Tiến N2 (cán bộ điều tra), Đặng Văn H và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh; số tiền 370.000 đồng thu giữ của bị cáo Đặng Văn H. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm

sát đề nghị trả lại cho bị cáo vì không đủ căn cứ xác định bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 32/PNK ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Công an Q; Quyết định chuyển vật chứng số: 45/QĐ-VKS ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Ngân hàng N3 - Chi nhánh B; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa Công an Q và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[8] Đối với bà Lê Phước Quỳnh N, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát xác định không liên quan đến hành vi cất giữ ma túy của bị cáo Đặng Văn H, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Còn người thanh niên tên L bán ma túy cho bị cáo Đặng Văn H, do bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở điều tra làm rõ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Bị cáo Đặng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn H** (HM) phạm tội: «Tàng trữ trái phép chất ma túy».

- Căn cứ điểm I khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Văn H** (HM) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2023.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói ma túy bên ngoài có ghi vụ số: 370/23, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Lê Thị H1 và cán bộ điều tra Phạm Tiến N2. Bên trong có: Tinh thể không màu (m_1) có khối lượng 0,3977 (không phải ba chín bảy bảy) gam; tinh thể không màu (m_2) có khối lượng 0,4015 (không phải bốn không một năm) gam; 03 (ba) viên nén màu nâu (m_3) có tổng khối lượng 1,2476 (một phải hai bốn bảy sáu) gam; 01 (một) khẩu trang màu xanh.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Đặng Văn H 01 (một) chiếc điện thoại di động màu vàng, phía sau có ghi chữ Iphone, số Imei: 356165091558198, bên trong có 01 (một) sim điện thoại số 8401171212059893, đã được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Mai Trọng T3 (Điều tra viên), Phạm Tiến N2 (cán bộ điều tra), Đặng Văn H và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh; 370.000 (ba trăm bảy mươi ngàn) đồng.

Trả lại bà Đặng Thị Ngọc S 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 59N3-434.44, số máy: JA39E-2070498, số khung: RLHJA3924LY067553 (loại xe hai bánh từ 50-175 cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, sơn màu Trắng Đen B, dung tích 109,1).

(theo Giấy nộp tiền ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Ngân hàng N3 - Chi nhánh B; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Đặng Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Đặng Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên